

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

Số: 6645 /CT- QLNT
V/v thuế tài nguyên.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính thành phố Đồng Nai.

Cục Thuế nhận được công văn số 5763/STC-GCS ngày 11/8/2026 của Sở Tài chính thành phố Đồng Nai về thuế tài nguyên. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ) quy định:

“Điều 4. Giá tính thuế

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên khai thác quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này. Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”

Tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định:

“3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định như sau:

...

Việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền.”

Tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên quy định:

“5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên để thực hiện cho năm tiếp theo liên kế như sau:

5.1. Bảng giá tính thuế tài nguyên có các thông tin để làm cơ sở xác định thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác tài nguyên phát sinh trong tỉnh phù hợp với chính sách, pháp luật gồm: định mức sử dụng tài nguyên làm căn cứ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên và sản phẩm công nghiệp; Giá tính thuế tài nguyên tương ứng với loại tài nguyên khai thác, sản phẩm tài nguyên sau khi chế biến, trong đó:

c) Giá tính thuế tài nguyên đối với trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra được xác định như sau:

c2) Đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu): Giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp.

Chi phí chế biến được trừ quy định tại điểm c2 này phải căn cứ hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ vào công nghệ chế biến theo Dự án đã được phê duyệt và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên trong địa bàn tỉnh nhưng không bao gồm chi phí khai thác, sàng, tuyển, làm giàu hàm lượng.”

Căn cứ quy định nêu trên, việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền. Việc áp dụng quy định được trừ chi phí chế biến chỉ thực hiện khi sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến được xác nhận là sản phẩm công nghiệp.

Chi phí chế biến được trừ quy định tại điểm c2 khoản 5.1 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế tài nguyên, xác nhận của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành về sản phẩm công nghiệp, công nghệ chế biến theo Dự án đã được phê duyệt và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên trong địa bàn tỉnh.

Đề nghị Sở Tài chính thành phố Đồng Nai căn cứ quy định pháp luật nêu trên và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan

trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi phí chế biến được trừ làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo thẩm quyền.

Cục Thuế có ý kiến đề Sở Tài chính thành phố Đồng Nai được biết./ *km*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Vụ PC, Cục CST (BTC);
- Ban PC (CT);
- Website (CT);
- Lưu: VT, QLNT. *km*

**TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ,
PHÁT TRIỂN NGUỒN THU
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phan Thị Minh Hiền